

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/DS-ST
Ngày: 07-6-2018
V/v Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khánh
2. Bà Lê Thị Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Thu Ly là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Cường - Kiểm sát viên

Ngày 7 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2017 về “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXX ngày 10 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1982; địa chỉ: số 31, đường Trần Quốc Toản, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Vũ Trung Th, sinh năm 1982; địa chỉ: số 1078 đường Hùng Vương, tổ 14, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. (*Theo văn bản ủy quyền ngày 20/10/2017*)

2. Bị đơn: Vợ chồng bà Huỳnh Ngọc Kim H, ông Lê Đình Nh; địa chỉ: Cụm 7, tổ 4, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. (*Bà H có mặt, ông Nh vắng mặt và có đơn xin vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị V có người đại diện theo ủy quyền ông Vũ Trung Th trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 23/6/2017 bà V có cho bà H (tên gọi khác L) vay số tiền là 237.500.000 đồng, khi vay có lập giấy viết tay, không thỏa thuận lãi suất, thỏa thuận hàng tháng bà H có trách nhiệm trả cho bà V 10.000.000 đồng. Trong số tiền vay này bà H đã trả cho bà V được 30.000.000 đồng tiền gốc. Tiếp đó, ngày 02/8/2017 bà V tiếp tục cho bà H vay số tiền 500.000.000 đồng, khi vay có lập giấy viết tay, không xác định thời hạn trả nợ và không thỏa thuận lãi suất; bà H có chơi một dây huê sống do bà V làm cái chưa hết với số tiền trị giá 80.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng hai khoản vay là 737.500.000 đồng, bà V xác nhận bà H đã trả được số tiền là 110.000.000 đồng, còn nợ lại 627.500.000 đồng. Mặc dù trong các giấy vay chỉ có một mình bà H ký nhận nợ, nhưng thời điểm vay tiền trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Tr và ông Nh đang tồn tại, tiền vay sử dụng chung cho nhu cầu sinh hoạt của gia đình nên bà Tr xác định đây là nợ chung của vợ chồng, vì vậy bà Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà H, ông Nh có trách nhiệm trả số tiền 627.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho khoản vay là bản chính giấy xác nhận nợ ghi ngày 23/6/2017; giấy mượn tiền ghi ngày 02/8/2017.

Bị đơn bà Huỳnh Ngọc Kim H trình bày:

Bà thừa nhận vào ngày 23/6/2017 bà có vay bà V số tiền 237.500.000 đồng, hẹn hàng tháng có trách nhiệm trả cho bà V 10.000.000 đồng; ngày 02/8/2017 có vay thêm của bà V số tiền 500.000.000 đồng như trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà V (ông Th) trình bày là đúng, theo ông Th xác nhận trong khoản tiền vay nêu trên bà đã trả được cho bà V 110.000.000 đồng là đúng. Thực tế thì các khoản vay hai bên đều thỏa thuận lãi suất ngoài là 3.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày tương ứng là 9%/tháng; bà cũng đã trả lãi suất của khoản vay cho đến tháng 9/2017 nhưng không có tài liệu giao nhận tiền để chứng minh. Qua yêu cầu khởi kiện của bà V buộc vợ chồng bà có trách nhiệm trả cho bà V số tiền 627.500.000 đồng thì bản thân bà đồng ý một mình chịu trách nhiệm trả khoản nợ này, bà xác định việc vay nợ ông Nh chồng bà không biết và không có liên quan.

Ông Lê Đình Nh trình bày: vợ ông bà H làm ăn bên ngoài và có vay tiền của nhiều người, ông không được biết về các khoản tiền vay này nên không đồng ý trả các khoản vay trên.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh: Trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng bà H, ông Nh không xuất trình.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vào ngày 09/5/2018 nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau nên việc hòa giải không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà V là ông Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà H giữ nguyên ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V; buộc bị đơn vợ chồng bà H, ông Nh cùng có trách nhiệm trả cho bà V số tiền 627.500.000 đồng. Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Lê Đình Nh vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy cần căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 xét xử vắng mặt ông Nh theo thủ tục chung.

[2] Theo các giấy xác nhận nợ ghi ngày 23/6/2017 và ghi ngày 02/8/2017 do nguyên đơn bà V xuất trình trong quá trình giải quyết vụ án có thể hiện bà H có ký xác nhận vay V tổng số tiền là 737.500.000 đồng. Đối với khoản vay 237.500.000 đồng, hẹn hàng tháng có trách nhiệm trả cho bà V 10.000.000 đồng, còn khoản vay ngày 02/8/2017 không xác định thời hạn trả nợ, và trong hai giấy vay đều không thể hiện thỏa thuận lãi suất. Theo đại diện ủy quyền của bà V là ông Th thì trong tổng số tiền vay 737.500.000 đồng bà H đã trả được số tiền 110.000.000 đồng nên còn nợ lại số tiền 627.500.000 đồng, bà V đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà H, ông Nh có trách nhiệm trả nợ nhưng đến nay chưa trả.

[3] Bà H thừa nhận vào ngày 23/6/2017 bà có vay bà V số tiền 237.500.000 đồng, hẹn hàng tháng có trách nhiệm trả cho bà V 10.000.000 đồng và ngày 02/8/2017 có vay thêm của bà V số tiền 500.000.000 đồng như trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà V (ông Th) trình bày là đúng. Đối với ý kiến ông Th đại diện theo ủy quyền của bà Tr xác nhận trong khoản tiền vay 921.000.000 đồng bà đã trả được 110.000.000 đồng vào tiền nợ gốc và nay

còn nợ lại số tiền 627.500.000 đồng là đúng. Do đó, có đủ cơ sở xác định việc vay tiền giữa bà H và bà V là có thật xảy ra trong thực tế.

Về ý kiến của bà H cho rằng, trong các khoản vay hai bên đều thỏa thuận lãi suất ngoài là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương ứng là 09%/tháng trên số tiền vay và bà đã trả lãi suất của khoản vay nêu trên từ ngày vay cho đến tháng 9/2017 thì mất khả năng trả lãi, tuy nhiên bà H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ giao nhận tiền để chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận ý kiến này.

Như vậy, đã có đầy đủ cơ sở khẳng định trong số tiền vay 737.500.000 đồng thì bà H mới trả được cho bà Vân 110.000.000 đồng nên đến nay còn nợ lại bà V số tiền 627.500.000 đồng.

[4] Đối với ý kiến của ông Nh cho rằng bà H vợ ông làm ăn bên ngoài và có vay tiền của nhiều người, ông không được biết về các khoản tiền vay này nên không đồng ý trả các khoản vay trên là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, các khoản vay đều diễn ra trong thời hôn nhân giữa bà H và ông Nh đang tồn tại, ông Nh không thể không biết việc vay tiền của bà H và các khoản vay ít nhiều cũng sử dụng chung cho nhu cầu chung của gia đình. Do đó, cần căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Ngoài việc buộc bà H thì cần buộc ông Nh cùng có trách nhiệm trả cho bà V số tiền 627.500.000 đồng còn nợ lại là phù hợp.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà V.

Vợ chồng bà H, ông Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho bà Vân là 29.100.000 đồng (20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V về việc khởi kiện “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

1.2. Buộc vợ chồng bà Huỳnh Ngọc Kim H, ông Lê Đình Nh cùng có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 627.500.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Bà Nguyễn Thị V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.737.000 đồng theo biên lai thu số 0003142 ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D.

2.2. Buộc vợ chồng bà Huỳnh Ngọc Kim H, ông Lê Đình Nh phải chịu 29.100.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Đương sự;
- Lưu: VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Hoàn

